TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 7 - 2019
V/v ly hôn giữa chị C và anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Chuyết
Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/DS/ST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị C, sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.
Địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.
- *Bị đơn*: Anh Trần Văn P, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.
- *Người giám hộ của anh Trần Văn P*: Bà Phạm Thị Đ - sinh năm 1961 (mẹ đẻ anh P).
Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa: Có mặt chị C, bà Đ có lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P kết hôn với nhau tháng 11 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau cưới vợ chồng chung sống bình thường được thời ngắn và đã có 01 con chung, sau đó chị phát hiện anh P điều trị bệnh tâm thần, cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, thi thoảng chị có về nhà thăm anh P ít ngày rồi lại đi. Tháng 7/2018 chị đã ở hẳn nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Hiện nay anh P đang điều trị theo sổ khám bệnh của bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định và uống thuốc do trạm y tế xã P cấp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống cùng anh P nên làm đơn xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Bảo N - sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người giám hộ của anh Trần Văn P là bà Phạm Thị Đ (mẹ đẻ anh P) trình bày:

Về thời gian kết hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Trần Văn P đúng như chị C đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng anh P chung sống bình thường và đã có 01 con chung, do anh P điều trị bệnh tâm thần nên sau khi sinh con được khoảng 09 tháng chị C về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian lại về nhà bà được ít ngày rồi lại đi. Từ tháng 7/2018 chị C đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Hiện nay anh P đang điều trị bệnh tâm thần uống thuốc do trạm y tế xã P cấp, nay anh P không điều khiển được hành vi của mình, bệnh ngày càng nặng hơn, gia đình bà không thể đưa anh P đi giám định được. Chị C xin ly hôn anh P, bà mong muốn chị về chăm sóc anh P và nuôi con, nếu chị C cố tình xin ly hôn anh P thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Về con: Vợ chồng anh P có 01 con chung là Trần Bảo N - sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013 hiện đang ở với chị C.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh P không có tài sản, công nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh P đang điều trị bệnh tâm thần nên bà Đ là người giám hộ cho anh P, bà Đ đã có lời khai đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Anh P đang điều trị bệnh Tâm thần uống thuốc do trạm y tế xã P cấp, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được nên

áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C. Về con chung; Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao chị Bùi Thị C nuôi dưỡng con chung là Trần Bảo N - sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013, chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản: chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Anh Trần Văn P là bị đơn trong vụ án này, hiện nay P đang điều trị bệnh tâm thần. Do đó, cần đưa mẹ đẻ anh P là bà Phạm Thị Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ cho anh P là đúng theo quy định tại các Điều 53, 58 Bộ luật dân sự. Bà Đ đã có lời khai đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là đúng quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Trần Văn P kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2012, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung. Nay anh P đang điều trị bệnh tâm thần, gia đình lại không thể đưa anh P đi giám định, hiện anh P không có khả năng nhận thức cũng như điều khiển hành vi của mình. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng anh P nên đã làm đơn xin ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị C và anh Trần Văn P đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp.

[3] Về con chung: Hiện anh P đang điều trị bị bệnh tâm thần, nên giao chị C có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Bảo N - sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Bùi Thị C không yêu cầu giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện chị C anh P không có tài sản, công nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 53, 58 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử cho ly cho hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Trần Văn P.

2. Con chung: Giao chị Bùi Thị C có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Bảo N - sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn.

3. Án phí: Chị Bùi Thị C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số 04934 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; Chị Bùi Thị C có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánd ân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.